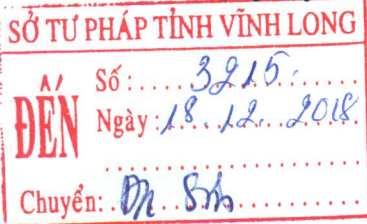


Số: 153/2018/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ về giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 10**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ về giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ về giá thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Nghị quyết này không áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn Nhà nước.

3. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục,

nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

b) Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực.

c) Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác của tỉnh có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

4. Mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá thuê mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp thuê lại đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (không bao gồm phí sử dụng hạ tầng và chi phí liên quan) nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

b) Thời gian hỗ trợ là 05 năm kể từ ngày nhà đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

c) Hỗ trợ giá thuê mặt bằng quy định tại Điểm a Khoản này thực hiện thông qua việc bù giá cho các nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

5. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa IX, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2018. / . *gph*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, TN&MT;
- HĐND, UBND cấp huyện;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH
Trương Văn Sáu